

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: *22* /NQ-HDND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Tổng biên chế hành chính năm 2019; giao biên chế hội năm 2018, 2019;
tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2018, 2019 và phân bổ chỉ tiêu hợp đồng
theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25/6/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Thực hiện Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2019;

Thực hiện Công văn số 3448/BNV-TCBC ngày 25/7/2018 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Ninh Thuận năm 2018;

Thực hiện Thông báo số 481-TB/TU ngày 16/11/2018 thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân bổ biên chế hành chính năm 2019; giao biên chế hội năm 2018, 2019; tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2018, 2019 và phân bổ chỉ tiêu hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019;

Xét Tờ trình số 191/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nghị quyết phân bổ biên chế hành chính năm 2019; giao biên chế hội năm 2018, 2019; tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2018, 2019 và phân bổ chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính năm 2019; giao biên chế hội năm 2018, 2019; tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2018, 2019 và phân bổ chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019. Cụ thể như sau:

1. Đối với biên chế hành chính năm 2019: Thông qua **1.711** biên chế công chức và **12** chỉ tiêu hợp đồng đối với các cơ quan hành chính, trong đó:

a) Cấp tỉnh: **1.116** biên chế và **12** hợp đồng;

b) Cấp huyện: **595** biên chế.

(Cụ thể theo Phụ lục 1 đính kèm).

2. Đối với biên chế Hội:

a) Năm 2018: Thông qua **89** biên chế và **12** chỉ tiêu hợp đồng đối với các hội, trong đó:

- Cấp tỉnh: **47** biên chế và **12** hợp đồng;

- Cấp huyện: **42** biên chế và **0** hợp đồng.

b) Năm 2019: Thông qua **89** biên chế và **12** chỉ tiêu hợp đồng đối với các hội, trong đó:

- Cấp tỉnh: **47** biên chế và **12** hợp đồng;

- Cấp huyện: **42** biên chế và **0** hợp đồng.

(Cụ thể theo Phụ lục 2 đính kèm).

3. Đối với biên chế sự nghiệp:

a) Năm 2018: Điều chỉnh từ giao theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 thành tạm giao năm 2018 là **12.957** biên chế và **56** chỉ tiêu hợp đồng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

- Sự nghiệp thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo: **9.312** biên chế;
- Sự nghiệp thuộc ngành Y tế: **2.565** biên chế;
- Sự nghiệp thuộc ngành Văn hóa - Thể thao: **360** biên chế và **05** hợp đồng;
- Các đơn vị sự nghiệp khác: **720** biên chế và **51** hợp đồng.

(Cụ thể theo Phụ lục 3 đính kèm).

b) Năm 2019: Tạm giao **12.535** biên chế sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó:

- Sự nghiệp thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo: **9.068** biên chế;
- Sự nghiệp thuộc ngành Y tế: **2.506** biên chế;
- Sự nghiệp thuộc ngành Văn hóa - Thể thao: **341** biên chế;
- Các đơn vị sự nghiệp khác: **620** biên chế.

(Cụ thể theo Phụ lục 4 đính kèm).

4. Đối với chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: Thông qua **498** chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Giao, tạm giao biên chế công chức, viên chức, hợp đồng cụ thể cho các cơ quan, đơn vị.

b) Rà soát nhu cầu cụ thể của từng đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh để phân bổ, điều chỉnh chỉ tiêu hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

c) Rà soát việc bố trí, sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định về quản lý và sử dụng viên chức.

d) Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính; đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện đầy đủ lộ trình tính giá dịch vụ khám, chữa bệnh đối với các cơ sở y tế kết hợp với việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm; đảm bảo mục tiêu trong năm 2019 chấm dứt việc sử dụng vượt số biên chế sự nghiệp so với số lượng Bộ Nội vụ đã thẩm định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



★ Nguyễn Đức Thanh



PHỤ LỤC 1

Giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, hợp đồng đối với các cơ quan hành chính thuộc tỉnh năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày 4 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế, hợp đồng được giao năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019		Biên chế, hợp đồng được giao năm 2019		Ghi chú
		Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	
	TỔNG CỘNG	1,786	12	-75	0	1,711	12	
I	CẤP TỈNH	1,172	12	-56	0	1,116	12	
1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban chuyên trách	10	0			10	0	
2	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	0			4	0	
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	19	0	-1		18	0	
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	51	12	-1	0	50	12	
4.1	<i>Cơ quan Văn phòng</i>	<i>51</i>	<i>12</i>	<i>-4</i>	<i>0</i>	<i>47</i>	<i>12</i>	
4.2	<i>Trung tâm Phục vụ Hành chính công (thực hiện khi Đề án được UBND tỉnh phê duyệt)</i>	<i>0</i>		<i>3</i>		<i>3</i>	<i>0</i>	
5	Sở Nội vụ	55	0	-2		53	0	
5.1	<i>Cơ quan Sở</i>	<i>32</i>	<i>0</i>	<i>7</i>		<i>39</i>	<i>0</i>	
5.2	<i>Ban Tôn giáo</i>	<i>8</i>	<i>0</i>			<i>8</i>	<i>0</i>	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế, hợp đồng được giao năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019		Biên chế, hợp đồng được giao năm 2019		Ghi chú
		Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	
5.3	Ban Thi đua - Khen thưởng (hợp nhất vào cơ quan Sở Nội vụ kể từ ngày 01/8/2018)	9	0	-9		0	0	
5.4	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	6	0			6	0	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	275	0	-1		274	0	
6.1	Cơ quan Sở	50	0			50	0	
6.2	Chi cục Kiểm lâm	129	0	-1		128	0	
6.3	Chi cục Thủy lợi	13	0			13	0	
6.4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	14	0			14	0	
6.5	Chi cục Phát triển nông thôn	14	0			14	0	
6.6	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	15	0			15	0	
6.7	Chi cục Thủy sản	27	0			27	0	
6.8	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	13	0			13	0	
7	Sở Tư pháp	31	0	-1		30	0	
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	49	0	-1		48	0	
9	Sở Tài chính	44	0			44	0	
10	Sở Công Thương	74	0	-40		34	0	
10.1	Cơ quan Sở	35	0	-1		34	0	
10.2	Chi cục Quản lý thị trường (chuyển về Tổng cục Quản lý thị trường)	39	0	-39		0	0	
11	Sở Giao thông vận tải	54	0			54	0	
11.1	Cơ quan Sở	27	0			27	0	
11.2	Thanh tra giao thông vận tải	27	0			27	0	
12	Sở Xây dựng	58	0	-1		57	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế, hợp đồng được giao năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019		Biên chế, hợp đồng được giao năm 2019		Ghi chú
		Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	
12.1	Cơ quan Sở	40	0	-1		39	0	
12.2	Thanh tra Sở Xây dựng	18	0			18	0	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	61	0	-1		60	0	
13.1	Cơ quan Sở	40	0	-1		39	0	
13.2	Chi cục Biển	8	0			8	0	
13.3	Chi cục Bảo vệ môi trường	13	0			13	0	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	23	0	-1		22	0	
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	0	-1		47	0	
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	45	0	-2		43	0	
17	Sở Khoa học và Công nghệ	35	0			35	0	
17.1	Cơ quan Sở	23	0			23	0	
17.2	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	12	0			12	0	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	53	0	-1		52	0	
19	Sở Y tế	62	0	-1		61	0	
19.1	Cơ quan Sở	35	0			35	0	
19.2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	13	0	-1		12	0	
19.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	14	0			14	0	
20	Ban Dân tộc	15	0			15	0	
21	Thanh tra tỉnh	33	0	-1		32	0	
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp	17	0			17	0	
23	Văn phòng Thường trực Ban An toàn giao thông	3	0			3	0	
24	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Núi Chúa (trực thuộc Vườn Quốc gia Núi Chúa)	33	0			33	0	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế, hợp đồng được giao năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019		Biên chế, hợp đồng được giao năm 2019		Ghi chú
		Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	
25	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Phước Bình (trực thuộc Vườn Quốc gia Phước Bình)	20	0			20	0	
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	613	0	-18	0	595	0	
1	UBND Huyện Bác Ái	84	0	-2		82	0	
2	UBND Huyện Ninh Phước	91	0	-3		88	0	
3	UBND Huyện Ninh Sơn	85	0	-2		83	0	
4	UBND Huyện Thuận Bắc	85	0	-3		82	0	
5	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	92	0	-3		89	0	Dự kiến điều 17 biên chế sang Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền sau khi có hướng dẫn của Trung ương

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế, hợp đồng được giao năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019		Biên chế, hợp đồng được giao năm 2019		Ghi chú
		Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	
6	UBND Huyện Ninh Hải	91	0	-3		88	0	Dự kiến điều 13 biên chế sang Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền sau khi có hướng dẫn của Trung ương
7	UBND Huyện Thuận Nam	85	0	-2		83	0	Dự kiến điều 09 biên chế sang Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền sau khi có hướng dẫn của Trung ương
III	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	1	0	-1		0	0	

PHỤ LỤC 2

Giao biên chế, hợp đồng Hội năm 2018 và năm 2019

(Kèm theo Nghị quyết số ...~~22~~.../NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Ngành/lĩnh vực	Số lượng biên chế, hợp đồng năm 2018 theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND		Số lượng biên chế, hợp đồng giao thành biên chế, hợp đồng hội năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019 so với năm 2018		Số lượng biên chế, hợp đồng năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
I	Cấp tỉnh	47	11	47	11	0	0	47	11
1	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	13	0	13	0	0	0	13	0
2	Hội Đông y tỉnh	8	0	8	0	0	0	8	0
3	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật	3	2	3	2	0	0	3	2
4	Hội Nhà báo	2	0	2	0	0	0	2	0
5	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	2	0	2	0	0	0	2	0
6	Hội Luật gia	3	0	3	0	0	0	3	0
7	Hội Lâm vườn	1	2	1	2	0	0	1	2
8	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	4	0	4	0	0	0	4	0
9	Hội Nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN	0	4	0	4	0	0	0	4
10	Liên minh hợp tác xã tỉnh	11	0	11	0	0	0	11	0

STT	Ngành/lĩnh vực	Số lượng biên chế, hợp đồng năm 2018 theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND		Số lượng biên chế, hợp đồng giao thành biên chế, hợp đồng hội năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019 so với năm 2018		Số lượng biên chế, hợp đồng năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
11	Hội khuyến học tỉnh Ninh Thuận	0	2	0	2	0	0	0	2
12	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đầy tỉnh	0	1	0	1	0	0	0	1
II	Cấp huyện	42	1	42	1	0	0	42	1
1	Thành phố PRTC	6	0	6	0	0	0	6	0
1.1	Hội Chữ thập đỏ	3	0	3	0	0	0	3	0
1.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
2	Huyện Ninh Hải	6	0	6	0	0	0	6	0
2.1	Hội Chữ thập đỏ	3	0	3	0	0	0	3	0
2.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
3	Huyện Ninh Phước	6	0	6	0	0	0	6	0
3.1	Hội Chữ thập đỏ	3	0	3	0	0	0	3	0
3.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
4	Huyện Ninh Sơn	6	0	6	0	0	0	6	0
4.1	Hội Chữ thập đỏ	3	0	3	0	0	0	3	0
4.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
5	Huyện Bác Ái	6	1	6	1	0	0	6	1
5.1	Hội Chữ thập đỏ	3	1	3	1	0	0	3	1

STT	Ngành/linh vực	Số lượng biên chế, hợp đồng năm 2018 theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND		Số lượng biên chế, hợp đồng giao thành biên chế, hợp đồng hội năm 2018		Tăng/giảm biên chế, hợp đồng năm 2019 so với năm 2018		Số lượng biên chế, hợp đồng năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
5.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
6	<i>Huyện Thuận Bắc</i>	6	0	6	0	0	0	6	0
6.1	Hội Chữ thập đỏ	3	0	3	0	0	0	3	0
6.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
7	<i>Huyện Thuận Nam</i>	6	0	6	0	0	0	6	0
7.1	Hội Chữ thập đỏ	3	0	3	0	0	0	3	0
7.2	Hội Đông Y	3	0	3	0	0	0	3	0
	TỔNG CỘNG	89	12	89	12	0	0	89	12

PHỤ LỤC 3

Điều chỉnh tạm giao biên chế sự nghiệp năm 2018

(Kèm theo Nghị quyết số ...~~22~~.../NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Ngành/lĩnh vực	Số lượng biên chế năm 2018 theo Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 11/12/2017		Số lượng biên chế năm 2018 Bộ Nội vụ thẩm định tại Công văn số 3448/BNV-TCBC ngày 25/7/2018	Số lượng biên chế đề xuất điều chỉnh giao năm 2018	
		Biên chế	Hợp đồng		Biên chế	Hợp đồng
1	Giáo dục và Đào tạo	9312	0		9312	0
2	Y tế	2565	0		2565	0
3	Văn hóa-Thể thao	360	5		360	5
4	Sự nghiệp khác	720	51		720	51
5	Hội đặc thù	89	12		0	0
6	Dự phòng	130			0	0
	TỔNG CỘNG	13176	68	12636	12957	56

PHỤ LỤC 4

Tạm giao biên chế viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019

(Kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
TỔNG CỘNG		12,957	56	-422	-56	12,535	0
I	Giáo dục - Đào tạo (kể cả các đơn vị có sử dụng biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo)	9,312	0	-244	0	9,068	0
1	Cao đẳng chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề	153	0	-5	0	148	0
	Trường Cao Đẳng sư phạm Ninh Thuận (trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo)	81	0	-3		78	0
	Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận	72	0	-2		70	0
2	Trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	1,347	0	-32	0	1,315	0
2.1	Bậc Trung học cơ sở	126	0			126	0
2.2	Bậc Trung học phổ thông	1,148	0	-25		1,123	0
2.3	Các Trung tâm	73	0	-7	0	66	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh Ninh Thuận (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh và Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp hướng nghiệp Phan Rang từ ngày 01/01/2019)	58	0	-7		51	0
	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh	15	0	0		15	
3	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	1,716	0	-50	0	1,666	0
	Bậc Trung học cơ sở	650	0	-17		633	0
	Bậc Tiểu học	860	0	-28		832	0
	Bậc Mầm non	206	0	-5		201	0
4	Huyện Ninh Hải	1,168	0	-29	0	1,139	0
	Bậc Trung học cơ sở	396	0	-6		390	0
	Bậc Tiểu học	563	0	-18		545	0
	Bậc Mầm non	209	0	-5		204	0
5	Huyện Ninh Phước	1,601	0	-37	0	1,564	0
	Bậc Trung học cơ sở	520	0	-3		517	0
	Bậc Tiểu học	865	0	-28		837	0
	Bậc Mầm non	216	0	-6		210	0
6	Huyện Ninh Sơn	1,031	0	-23	0	1,008	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Bậc Trung học cơ sở	312	0	-1		311	0
	Bậc Tiểu học	554	0	-18		536	0
	Bậc Mầm non	165	0	-4		161	0
7	Huyện Bắc Ái	711	0	-22	0	689	0
	Bậc Trung học cơ sở	192	0	-6		186	0
	Bậc Tiểu học	340	0	-11		329	0
	Bậc Mầm non	179	0	-5		174	0
8	Huyện Thuận Bắc	646	0	-20	0	626	0
	Bậc Trung học cơ sở	169	0	-5		164	0
	Bậc Tiểu học	329	0	-11		318	0
	Bậc Mầm non	148	0	-4		144	0
9	Huyện Thuận Nam	813	0	-22	0	791	0
	Bậc Trung học cơ sở	247	0	-6		241	0
	Bậc Tiểu học	420	0	-13		407	0
	Bậc Mầm non	146	0	-3		143	0
10	Các cơ sở giáo dục khác trực thuộc cơ quan, đơn vị khác	126	0	-4	0	122	0
	Trường Trung cấp Y tế	24	0			24	0
	Cơ sở cai nghiện ma túy	18	0	-1		17	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Ninh Sơn	38	0	-2		36	0
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Ninh Phước	34	0	-1		33	0
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Thuận Bắc	12	0			12	0
II	Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế	2,565	0	-59	0	2,506	0
1	Tuyển tỉnh	1,310	0	-26	0	1,284	0
1.1	Bệnh viện	1,127	0	-21	0	1,106	0
	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	77	0	-2		75	0
	Bệnh viện tỉnh	854	0	-13		841	0
	Bệnh viện Y dược cổ truyền	104	0	-3		101	0
	Bệnh viện chuyên khoa Da liễu- Tâm thần (nâng cấp từ Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội từ ngày 01/9/2018)	40	0	-1		39	0
	Bệnh viện Mắt	52	0	-2		50	0
1.2	Các Trung tâm trực thuộc	183	0	-5	0	178	0
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (hợp nhất với Trung tâm Phòng chống Sốt rét ký sinh trùng và côn trùng từ ngày 01/12/2018)	110	0	-3	0	107	0
	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm-Mỹ phẩm	25	0			25	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	24	0	-1		23	0
	Trung tâm Giám định Y khoa - Pháp y (hợp nhất Trung tâm Giám định Y khoa và Trung tâm Pháp y từ ngày 01/12/2018)	24	0	-1		23	0
2	Tuyển huyện	792	0	-33	0	759	0
	Các Trung tâm trực thuộc	792	0	-33	0	759	0
	Trung tâm Y tế thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (hợp nhất với Trung tâm Dân số KHHGD thành phố Phan Rang - Tháp Chàm từ ngày 01/01/2019)	93	0	-6	0	87	0
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Hải (hợp nhất với Trung tâm Dân số KHHGD huyện Ninh Hải từ ngày 01/01/2019)	120	0	-6		114	0
	Trung tâm Y tế huyện Bác Ái (hợp nhất với Trung tâm Dân số KHHGD huyện Bác Ái từ ngày 01/01/2019)	75	0	-4		71	0
	Trung tâm Y tế huyện Thuận Nam (hợp nhất với Trung tâm Dân số KHHGD huyện Thuận Nam từ ngày 01/01/2019)	55	0	-2		53	0
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn (hợp nhất với Bệnh viện Đa khoa khu vực Ninh Sơn và Trung tâm Dân số KHHGD huyện Ninh Sơn từ ngày 01/01/2019)	209	0	-7	0	202	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm Y tế huyện Ninh Phước (hợp nhất với Trung tâm Dân số KHHGD huyện Ninh Phước)	150	0	-5		145	0
	Trung tâm Y tế huyện Thuận Bắc (hợp nhất với Trung tâm Dân số KHHGD huyện Thuận Bắc từ ngày 01/01/2019)	90	0	-3		87	0
3	Y tế xã, phường, thị trấn	463	0	0	0	463	0
	Các Trạm Y tế thuộc Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	113	0			113	0
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ninh Hải	62	0			62	0
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Bác Ái	54	0			54	0
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Thuận Nam	59	0			59	0
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ninh Sơn	58	0			58	0
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Ninh Phước	76	0			76	0
	Các Trạm Y tế thuộc TTYT huyện Thuận Bắc	41	0			41	0
III	Văn hoá, thể thao	360	5	-19	-5	341	0
I	Cấp tỉnh	249	5	-11	-5	238	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
a	Sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	180	5	-9	-5	171	0
	Bảo tàng tỉnh	15	0			15	0
	Thư viện tỉnh	17	0			17	0
	Trung tâm Văn hóa tỉnh	26	0			26	0
	Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng	15	0			15	0
	Trung tâm nghiên cứu văn hóa Chăm	15	0			15	0
	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao	21	0			21	0
	Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận (thành lập trên cơ sở hợp nhất Đoàn Ca múa nhạc và Đoàn nghệ thuật dân gian Chăm từ ngày 01/11/2018)	53	0	-2	0	51	0
	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	11	0			11	0
	Ban Quản lý di tích (chuyển sang tự chủ hoàn toàn năm 2019)	7	5	-7	-5	0	0
b	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận	69	0	-2		67	0
2	Cấp huyện	111	0	-8	0	103	0
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 12/7/2018)	23	0	-1	0	22	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Ninh Hải (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 01/10/2018)	17	0	0	0	17	0
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Ninh Phước (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 01/8/2018)	15	0	-1	0	14	0
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Ninh Sơn (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 01/10/2018)	13	0	-1	0	12	0
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Bác Ái (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 01/01/2019)	13	0	-1	0	12	0
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Thuận Bắc (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 01/9/2018)	13	0	-3	0	10	0
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện Thuận Nam (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh từ ngày 01/01/2019)	17	0	-1	0	16	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
IV	Các đơn vị sự nghiệp khác	720	51	-100	-51	620	0
1	CẤP TỈNH	683	39	-100	-39	583	0
a	Sự nghiệp thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	6	21	-6	-21	0	0
	Nhà khách Ninh Thuận (chuyển sang tự chủ hoàn toàn năm 2019)	6	21	-6	-21	0	0
b	Sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	375	0	-69	0	306	0
	Trung tâm Khuyến nông	60	0	-1		59	0
	Trung tâm Giống cây trồng - vật nuôi	12	0	-1		11	0
	Trung tâm Giống Hải sản cấp I	22	0	-1		21	0
	Ban Quản lý và Khai thác các Cảng cá (chuyển sang cơ chế tự chủ hoàn toàn năm 2019)	62	0	-62		0	0
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (bộ phận sự nghiệp)	30	0	-1		29	0
	Chi cục Thủy sản (bộ phận sự nghiệp)	33	0			33	0
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (bộ phận sự nghiệp)	25	0	-1		24	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (bộ phận sự nghiệp)	2	0			2	0
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ Sông Trâu	21	0			21	0
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ Sông Sát	33	0	-1		32	0
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ Tân Giang	32	0	-1		31	0
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam	23	0			23	0
	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Krôngpha	20	0			20	0
c	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa	40	0	-11	0	29	0
	Cơ quan Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa	29	0			29	0
	Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường (thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn năm 2019)	11	0	-11		0	0
d	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình	34	0	-1	0	33	0
	Cơ quan Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình	24				24	
	Trung tâm Giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường	10		-1		9	
d	Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020	0	4	4	-4	4	0
e	Sự nghiệp thuộc Sở Nội vụ	10	0	-1	0	9	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm lưu trữ lịch sử (trực thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ)	10	0	-1		9	0
g	Sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp	28	0	0	0	28	0
	Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản	6	0			6	0
	Trung tâm Trợ giúp pháp lý	22	0			22	0
h	Sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	25	0	-1	0	24	0
	Văn phòng Phát triển kinh tế	25	0	-1		24	0
i	Sự nghiệp thuộc Sở Công Thương	18	0	-1	0	17	0
	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	18	0	-1		17	0
k	Sự nghiệp thuộc Sở Xây dựng	10	0	-10	0	0	0
	Trung tâm Quản lý Nhà và Chung cư (đã tự chủ hoàn toàn)	10	0	-10		0	0
l	Sự nghiệp thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	64	0	-2	0	62	0
	Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận	43	0	-2		41	0
	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	11	0			11	0
	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	10	0			10	0
m	Sự nghiệp thuộc Sở Lao động - thương binh và xã hội	32	14	0	-14	32	0
	Trung tâm Công tác xã hội (hợp nhất Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần và nhiệm vụ quản lý nghĩa trang liệt sĩ tỉnh từ ngày 01/01/2019)	23	9	0	-9	23	0

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
	Trung tâm Dịch vụ việc làm	9	5		-5	9	0
n	Sự nghiệp thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	24	0	-1	0	23	0
	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông (hợp nhất với Trung tâm Tin học - Công báo và Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường từ ngày 01/01/2019)	24	0	-1	0	23	0
o	Trung tâm Hoạt động thanh thiếu niên (trực thuộc Tỉnh đoàn)	12	0	-1		11	0
u	Hội Nông dân tỉnh	5	0	0	0	5	0
	Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh	2	0			2	0
	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh	3	0			3	0
2	Cấp huyện	37	12	0	-12	37	0
a)	Thành phố PR-TC	9	12	-1	-12	8	0
	Đội Quản lý trật tự đô thị	3	8		-8	3	0
	Đội Quản lý khu du lịch Ninh Chữ	0	4		-4	0	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	6		-1		5	0
b)	Huyện Ninh Hải	6	0	-1	0	5	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	6		-1		5	
c)	Huyện Ninh Phước	3	0	0	0	3	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	3				3	

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn tạm giao năm 2018		Tăng/ giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng chuyên môn năm 2019 so với năm 2018		Chỉ tiêu biên chế tạm giao năm 2019	
		Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng	Biên chế	Hợp đồng
d)	Huyện Ninh Sơn	6	0	0	0	6	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	6				6	
đ)	Huyện Thuận Bắc	1	0	2	0	3	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	1		2		3	
e)	Huyện Thuận Nam	6	0	0	0	6	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	6				6	
g)	Huyện Bác Ái	6	0	0	0	6	0
	Trung tâm phát triển quỹ đất	6		0		6	0